

Bản án số: 140/2025/DS-PT

Ngày: 25-3-2025

*V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản và hợp đồng
vay tài sản”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tuấn Anh

Ông Ngô Tấn Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Vũ Đình Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Điều - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20/01, ngày 20/02, ngày 20/3 và ngày 25/3/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 480/2024/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2024, về việc *“Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2024/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 768/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Phước T, sinh năm 1966 – Chủ Hộ kinh doanh cơ sở chế biến, mua bán lúa gạo Phước Thành Ngọc H (Có mặt).

Địa điểm kinh doanh: Đường N, Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Phước T: Luật sư Dương Thị Như Ý là Luật sư của Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ (Có mặt).

2. Bị đơn: Nguyễn Văn M, sinh năm 1957 (Có mặt).

Địa chỉ: Số F, đường N, Khóm D, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn M: Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1963 (Có mặt). Địa chỉ: Tổ B, khóm M, Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Hợp đồng ủy quyền ngày 03/8/2024).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Dương Thị Á, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số F, đường N, Khóm D, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị Á: Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1963 (Có mặt). Địa chỉ: Tổ B, khóm M, Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Hợp đồng ủy quyền ngày 10/3/2025).

3.2. Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1967 (Có mặt).

3.3. Hồ Tấn K, sinh năm 1964 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện H, Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Phước T - Chủ Hộ kinh doanh cơ sở chế biến, mua bán lúa gạo Phước Thành Ngọc H là nguyên đơn, ông Nguyễn Văn M là bị đơn, bà Dương Thị Á, bà Nguyễn Thị Thanh T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Phước T – Chủ Hộ kinh doanh cơ sở chế biến, mua bán lúa gạo Phước Thành Ngọc H trình bày: Ông là chủ Hộ kinh doanh cơ sở chế biến, mua bán lúa gạo Phước Thành Ngọc H, từ năm 2018 đến năm 2019 ông có bán thức ăn chăn nuôi cá tra cho ông Nguyễn Văn M nhiều lần, tính tổng cộng tới ngày 15/9/2019 chốt công nợ thì ông M còn nợ tổng số tiền là 3.770.275.000 đồng, ông M có ký biên nhận công nợ cho ông vào ngày 15/9/2019, do ông tính toán sai nên trong biên nhận công nợ ngày 15/9/2019 ông ghi nhầm là 3.759.550.000 đồng, chứ thật sự số tiền ông M thiếu là 3.770.275.000 đồng. Ông M hẹn tới 30/6/2022 sẽ trả dứt điểm số nợ này và lãi cho ông, nhưng cho tới nay ông M vẫn không trả cho ông, lãi suất hai bên thống nhất thỏa thuận là 4%/tháng.

Sau khi ông M ký biên nhận công nợ ngày 15/9/2019 thì sau đó ông không nhớ ngày tháng cụ thể thì ông M có trả cho ông được số tiền là 400.000.000 đồng, số tiền này ông M chuyển trả lãi cho ông. Nay ông thống nhất cần trừ 400.000.000 đồng này vào tiền lãi.

Theo đơn khởi kiện, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn M và vợ là bà Dương Thị Á liên đới trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn thiếu là 7.860.653.500 đồng (Bảy tỷ tám trăm sáu mươi triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn năm trăm đồng), trong đó tiền gốc là 3.770.275.000 đồng và tiền lãi đến ngày 31/10/2023 là 4.090.378.500 đồng, lãi tính 02%/tháng từ ngày mua đến

ngày khởi kiện và yêu cầu tiếp tục tính tiền lãi phát sinh cho đến khi kết thúc vụ kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi, ông chỉ yêu cầu tính lãi với lãi suất là 1,66%/tháng, ông yêu cầu ông M và bà Á liên đới trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn thiếu là 7.693.947.500 đồng, trong đó tiền gốc là 3.770.275.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất là 1,66%/tháng là 3.923.672.500 đồng.

Ông thừa nhận là ông có vay và thiếu bà Nguyễn Thị Thanh T1 số tiền gốc là 2.800.000.000 đồng, vay nhiều lần, không nhớ cụ thể ngày tháng vay, thời gian vay đầu tiên khoảng năm 2018, lãi suất thỏa thuận là 4%/tháng, vay không thế chấp tài sản. Do không có tiền trả gốc và lãi nên vào ngày 22/6/2019 ông mới ký biên nhận tổng nợ cho bà T1 với số tiền thiếu bà T1 là 3.840.000.000 đồng, nhưng trong số này chỉ có 2.800.000.000 đồng là gốc, còn lại là tiền lãi bà T1 cộng vào gốc luôn. Sau đó không nhớ ngày nào thì ông trả cho bà T1 được số tiền là 420.000.000 đồng tiền lãi và còn thiếu lại gốc và lãi lại bà T1 cho tới ngày hôm nay. Nay, bà T1 yêu cầu ông trả 540.000.000 đồng tiền gốc thì ông cũng thống nhất trả, về lãi suất thì yêu cầu Tòa án tính lãi suất đối với tiền vay của bà T1 là 0,83%/tháng.

Việc ông M và bà T1 trình bày là có việc thỏa thuận cầm trừ nợ và giao nền đất gì đó thì ông không thống nhất, không biết việc này, đó là việc giữa bà T1 và ông M, không liên quan gì đến ông và cũng không liên quan gì đến số tiền mà ông M thiếu ông. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Việc ông thiếu tiền bà T1 và việc ông M thiếu tiền ông là hai chuyện khác nhau, không liên quan gì đến nhau, nên ông không thống nhất là có việc thỏa thuận cầm trừ nợ này. Ngoài ra, không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

Bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày: Ông với nguyên đơn ông Nguyễn Phước T là bạn bè chí cốt với nhau. Giữa ông với ông T cũng làm ăn mua bán qua lại với nhau, trước đây ông có nuôi cá tra và có mua thức ăn cho cá của cửa hàng ông T, việc làm ăn giữa ông và ông T cũng lâu năm, vì bạn bè nên tin tưởng nhau. Ông mua thiếu rồi trả chứ không nợ ông T. Do việc nuôi cá tra không thuận lợi, kinh tế làm ăn thất bại nên vào năm 2021 ông và ông T mới chốt sổ lại với nhau và ông có nợ lại ông T số tiền mua thức ăn cho cá số tiền là 3.700.000.000 đồng (Ba tỷ bảy trăm triệu đồng), sau đó ông trả cho ông T số tiền là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) và còn nợ lại 3.300.000.000 đồng (Ba tỷ ba trăm triệu đồng). Do làm ăn kinh tế không thuận lợi nên không có tiền mặt trả cho ông T được nên giữa ông, ông T và bà Nguyễn Thị Thanh T1 (cả ba là bạn bè chơi thân với nhau) thống nhất thỏa thuận với nhau là cầm trừ số nợ của ông đang thiếu ông T qua cho bà T1, vì ông T hiện còn thiếu nợ tiền vay của bà T1 khoảng

3.900.000.000 đồng (Ba tỷ chín trăm triệu đồng). Như vậy, ông không còn nợ ông T nữa, mà ông T còn nợ lại bà T1 số tiền khoảng là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Việc thỏa thuận cần trừ này có làm văn bản, nhưng lúc đó ông T nói bạn nên không ký tên vào văn bản thỏa thuận này, chỉ có ông và bà T1 ký tên vào văn bản thỏa thuận này.

Sau khi việc thống nhất cần trừ giữa 03 bên xong thì giữa ông và bà T1 bàn bạc và đi đến thống nhất là ông sẽ chuyển nhượng phần đất của ông diện tích khoảng 390m² (chiều ngang 13m, chiều dài là 30m), đất thuộc một phần thửa số 28, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp hiện ông đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T1 với giá là 3.300.000.000 đồng (Ba tỷ ba trăm triệu đồng) vào năm 2021. Phần đất này hiện ông đang thế chấp Ngân hàng N để vay tiền, chưa giải chấp ra nên không làm thủ tục sang tên chuyển nhượng đất cho bà T1 được. Tuy nhiên, ông đã giao đất cho bà T1 quản lý từ năm 2021. Sau đó từ năm 2021 đến nay bà T1 cho ông thuê lại phần đất này mỗi năm giá là 12.000.000 đồng/năm.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của ông T thì ông không thống nhất vì ông đã cần trừ số nợ này qua cho bà T1 rồi và ông cũng đã chuyển nhượng và giao đất cho bà T1 rồi, nên ông không còn thiếu tiền gì ông T nữa.

Chữ viết và chữ ký trong Thông báo công nợ đề ngày 15/9/2019 (gốc trên đầu bên phải) và ngày 18/10/2018 (gốc dưới bên trái) thì chữ viết là của ông T viết, còn chữ ký là của ông ký, vì lúc đó khoảng 21 giờ tối, ông không nhớ ngày tháng năm cụ thể, cách đây khoảng 02 đến 03 năm thì ông T có lại ao gần nhà ông và kêu ông ký tên vào biên nhận này, thấy tình nghĩa anh em, buồn vì chuyện làm ăn không thuận lợi và trong người cũng có rượu nên ông ký tên cho qua chuyện, vì lúc đó ông hiện còn đang thiếu tiền mua thức ăn của ông T như nêu ở trên. Lúc ký tên thì chỉ biết ký vậy cho qua chuyện, chứ giữa ông và ông T cũng chưa kết đối chiếu sổ sách lại là thiếu bao nhiêu tiền cụ thể. Đây là chỉ là bản thông báo nợ chứ không phải bản đối chiếu công nợ, vì giữa ông và ông T chưa có đối chiếu lại công nợ cụ thể là bao nhiêu. Ông không tranh chấp hay yêu cầu Tòa án giải quyết gì. Đề nghị Tòa án giải quyết đúng pháp luật. Ngoài ra, không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh T1 trình bày: Vào khoảng năm 2018 đến năm 2019 thì ông T có vay của bà nhiều lần, không nhớ rõ ngày tháng, lúc vay thì không có biên nhận vì tình nghĩa anh em bạn bè ngoài xã hội. Sau đó ngày 22/6/2019 thì giữa bà và ông T mới chốt lại công nợ thì ông T còn nợ số tiền gốc là 3.840.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 4%/tháng. Sau đó từ tháng 6/2019 đến tháng 9/2019 ông T có trả được số tiền

lãi là 420.000.000 đồng, không nhớ trả ngày nào và còn thiếu lại tiền lãi là 41.280.000 đồng. Từ đó cho tới nay ông T không trả gốc và lãi cho bà nữa.

Vì giữa bà, ông T và ông M là bạn bè chơi chung với nhau ngoài xã hội nên vào tháng 3/2021 cả ba mới đi đến thống nhất là cần trừ số nợ của ông M đối với ông T sang qua bà. Như vậy là ông M nợ bà, ông M không còn nợ ông T nữa và ông T còn nợ bà số tiền sau khi tính toán cần trừ giữa ba bên là 540.000.000 đồng gốc và lãi tính từ tháng 10/2019 cho tới nay, cộng với tiền lãi còn nợ trước là 41.280.000 đồng từ tháng 6/2019 đến tháng 9/2019 chưa trả xong. Ba bên có viết tờ thỏa thuận, nhưng do ông T nói bận việc nên không ký vào thỏa thuận này. Sau đó cũng năm 2021 thì ông M và bà thống nhất là ông M chuyển nhượng cho bà diện tích đất là 390m² (chiều ngang 13m, chiều dài là 30m), thuộc một phần thửa số 28, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp của ông M đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất qua bà để cần trừ toàn bộ số nợ này. Phần diện tích đất này hiện ông M đang thế chấp Ngân hàng N để vay tiền, chưa giải chấp ra nên chưa làm thủ tục sang tên được. Sau đó bà thống nhất cho ông M thuê lại phần đất này với giá là 12.000.000 đồng/năm cho đến nay.

Như vậy, theo thỏa thuận trên thì hiện nay ông T nợ tiền bà, ông M không còn nợ ông T nữa. Yêu cầu Tòa án giải quyết theo đúng quy định pháp luật và ghi nhận thỏa thuận giữa ba bên nêu trên là hợp pháp. Vì sau đó ông T có nhắn tin zalo cho bà với nội dung về việc cần trừ nợ nêu trên, nói bà đòi nợ ông M đi và trong biên nhận vay tiền ngày 03/02/2019 và 15/5/2019 thì ông T nhận tiền vay tiền của bà thì ông T có ghi trong biên nhận là ông M bảo lãnh số tiền vay này.

Nay bà có yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Phước T trả cho bà số tiền vay còn thiếu sau khi cần trừ tiền của ông M là 2.030.280.000 đồng (Hai tỷ không trăm ba mươi triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 540.000.000 đồng, tiền lãi 1.490.280.000 đồng, lãi suất 20%/01 năm. Trong đó tiền lãi cũ còn thiếu là 41.280.000 đồng, tiền lãi từ tháng 9/2019 đến ngày 26/3/2021 của số tiền 3.840.000.000 đồng thời gian 18 tháng là 1.152.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 27/3/2021 đến ngày 15/01/2024 của số tiền gốc 540.000.000 đồng thời gian 33 tháng là 297.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi số tiền gốc 540.000.000 đồng đến khi vụ án giải quyết xong.

Việc các bên thỏa thuận cần trừ nợ là tự nguyện và các bên cũng đã thỏa thuận rồi nên bây giờ phải thực hiện theo, ông T không được lật lọng. Việc thỏa thuận này là hợp pháp vì các bên đã thống nhất. Yêu cầu Tòa án công nhận việc thỏa thuận cần trừ nợ này giữa ba bên. Bà không khởi kiện tranh chấp buộc ông T trả cho bà tổng tiền mà ông T vay của bà. Trong trường hợp nếu Tòa án giải

quyết không công nhận thỏa thuận cản trừ giữa bà, ông T và ông M nêu trên thì bà sẽ khởi kiện ông T đối với số tiền vay gốc mà ông T thiếu còn lại là 3.300.000.000 đồng (tổng số tiền ông T vay thiếu là 3.840.000.000 đồng trừ số tiền mà bà yêu cầu ông T trả trong vụ án này là 540.000.000 đồng) bằng vụ án khác. Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cản trừ nợ giữa bà và ông M thì bà cũng không tranh chấp hay yêu cầu Tòa án giải quyết gì trong vụ án này. Trong trường hợp nếu Tòa án giải quyết không công nhận thỏa thuận cản trừ nợ giữa bà, ông T và ông M nêu trên thì bà và ông M tự giải quyết với nhau đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này, còn nếu sau đó giữa bà và ông M có tranh chấp thì bà sẽ khởi kiện ông M bằng vụ án khác. Ngoài ra không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Tấn K trình bày: Thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của vợ là bà Nguyễn Thị Thanh T1, không trình bày hay yêu cầu gì bổ sung thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Á: Vắng mặt, không có ý kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2024/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự (viết tắt bản án sơ thẩm) đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Phước T – Chủ Hộ kinh doanh cơ sở chế biến, mua bán lúa gạo Phước Thành Ngọc H.

Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Dương Thị Á phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Phước T – Chủ Hộ kinh doanh cơ sở chế biến, mua bán lúa gạo Phước Thành Ngọc H số tiền mua thừa ăn chăn nuôi còn nợ là 7.106.142.000 đồng (Bảy tỷ một trăm lẻ sáu triệu một trăm bốn mươi hai nghìn đồng). Trong đó 3.759.550.000 đồng gốc và lãi là 3.346.592.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Thanh T1.

Buộc ông Nguyễn Phước T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T1 số tiền vay còn nợ là 1.822.396.000 đồng (Một tỷ tám trăm hai mươi hai triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng). Trong đó gốc 540.000.000 đồng và lãi là 1.282.396.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn M và bà Dương Thị Á là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Phước T phải chịu án phí sơ thẩm là 94.183.500 đồng. Tiền án phí được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp là 58.130.000 đồng theo biên lai thu số 0001753, ngày 03/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Ông Nguyễn Phước T phải nộp thêm số tiền án phí sơ thẩm là 36.053.500 đồng (Ba mươi sáu triệu không trăm năm mươi ba nghìn năm trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị Thanh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.394.000 đồng. Tiền án phí được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà T1 đã nộp là 36.302.500 đồng theo biên lai thu số 0001956, ngày 16/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Bà T1 được nhận lại số tiền đã nộp là 25.908.500 đồng (Hai mươi lăm triệu chín trăm lẻ tám nghìn năm trăm đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm. Ông Nguyễn Phước T - Chủ Hộ kinh doanh cơ sở chế biến, mua bán lúa gạo Phước Thành Ngọc H là nguyên đơn, ông Nguyễn Văn M là bị đơn, bà Dương Thị Á, bà Nguyễn Thị Thanh T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thống nhất bản án sơ thẩm, nên đã kháng cáo.

1. Ông Nguyễn Phước T – Chủ hộ kinh doanh cơ sở chế biến, mua bán lúa gạo Phước Thành Ngọc H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T buộc ông Nguyễn Văn M và bà Dương Thị Á có trách nhiệm liên đới trả cho ông T số tiền mua thức ăn cho cá còn thiếu là 7.670.665.000 đồng bao gồm tiền nợ gốc là 3.759.550.000 đồng và tiền lãi là 4.311.115.339 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà T1 về việc buộc ông T có trách nhiệm trả cho bà T1 số tiền còn nợ là 1.822.396.000 đồng (trong đó gốc là 540.000.000 đồng, tiền lãi là 1.282.396.000 đồng), yêu cầu điều chỉnh lại mức lãi suất 0,83%/tháng.

2. Ông Nguyễn Văn M yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, ông M không đồng ý trả tiền mua thức ăn nuôi cá, không đồng ý trả lãi suất

1,66%/tháng và không đồng ý cản trừ 400.000.000 đồng trả vào tiền lãi suất, yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết tay trong bản thông báo vì không phải chữ ký và chữ viết của ông ở hàng cuối.

3. Bà Dương Thị Á yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, bà Á không đồng ý trả tiền mua thức ăn nuôi cá, không đồng ý trả lãi suất 1,66%/tháng và không đồng ý cản trừ 400.000.000 đồng trả vào tiền lãi suất.

4. Bà Nguyễn Thị Thanh T1 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, không chấp nhận khởi kiện của ông T, chấp nhận sự thỏa thuận cản trừ nợ giữa 03 bên: bà T1, ông T và ông M, cản trừ vốn và lãi mà ông M nợ ông T số tiền 3.300.000.000 đồng và đã cản trừ xong.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Luật sư Dương Thị Như Ý là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Phước T trình bày: Ông T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T buộc ông Nguyễn Văn M và bà Dương Thị Á có trách nhiệm liên đới trả cho ông T số tiền mua thức ăn cho cá còn thiếu là 7.670.665.000 đồng bao gồm tiền nợ gốc là 3.759.550.000 đồng và tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là 4.311.115.339 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của bà T1 về việc buộc ông T có trách nhiệm trả cho bà T1 số tiền còn nợ là 1.822.396.000 đồng (trong đó gốc là 540.000.000 đồng, tiền lãi là 1.282.396.000 đồng), yêu cầu điều chỉnh lại mức lãi suất 0,83%/tháng. Bởi các căn cứ sau:

Thứ nhất, phần tiền lãi cấp sơ thẩm tính từ ngày 15/9/2019, không tính lãi theo từng đợt ông M, bà Á mua hàng nợ ông T và ông T có giao nộp cho Tòa án sơ thẩm bảng kê tính lãi theo từng đợt mua hàng của ông M, khi mua bán hai bên có thống nhất thỏa thuận lãi chậm trả trên từng lần mua hàng là 4%/tháng.

Thứ hai, Biên nhận ngày 22/6/2019, ông T chỉ nợ bà T1 số tiền 3.790.000.000 đồng, trong đó gốc 2.800.000.000 đồng và tiền lãi 990.000.000 đồng. Số tiền 50.000.000 đồng là bà T1 ghi thêm chứ ông T không có đồng ý và không có ký tên. Hai bên thống nhất sau khi ký biên nhận ngày 22/6/2019 thì bà T1 ngưng không tính lãi. Sau đó, ông T có trả được cho bà T1 được số tiền 420.000.000 đồng trong tổng số tiền 3.790.000.000 đồng nên tới thời điểm hiện tại ông T chỉ còn nợ bà T1 3.370.000.000 đồng.

Đối với kháng cáo của ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thanh T1 thì ông T không thống nhất.

- Ông Nguyễn Phước T trình bày: Thống nhất trình bày của Luật sư, không bổ sung gì thêm.

- Bà Nguyễn Thị M1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn M trình bày: Không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng ông M không đồng ý trả tiền mua thức ăn nuôi cá, không đồng ý trả lãi suất 1,66%/tháng và không đồng ý cản trừ 400.000.000 đồng trả vào tiền lãi suất, yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết tay trong bản thông báo vì không phải chữ ký và chữ viết của ông ở hàng cuối. Bởi các lý do:

Thứ nhất, ông M, ông T và bà T1 đã thỏa thuận cản trừ gốc và lãi 3.300.000.000 đồng qua cho bà T1 nên ông M không còn nợ gì ông T nữa. Ông T có xác nhận trong tin nhắn điện thoại ngày 21/3/2022 “Kể từ ngày hôm nay tôi không đòi Út Mương nữa, chị tự xử đi”.

Thứ hai, ông M không thống nhất Thông báo của ông T giao nộp vì thông báo không có ngày tháng năm, không thể hiện người nhận hàng, số lượng mua bán không đúng, không phải là bản đối chiếu công nợ giữa hai bên. Ông M có ký tên vào thông báo nhưng thời điểm ký tên là ông M không được tỉnh táo do đã sử dụng rượu, bia và không có tâm trạng bị người mua giựt tiền mua cá. Còn phần cuối ở tờ giấy là do ông T tự ý ghi thêm, không có ngày tháng.

Thứ ba, ông M và ông T chỉ thỏa thuận mua bán thức ăn nuôi cá, không có thỏa thuận lãi suất chậm trả và không có thỏa thuận thời gian trả nợ nên ông M không chấp yêu cầu tính lãi 1,66%/tháng.

Trường hợp, không chấp nhận kháng cáo của ông M thì đề nghị Hội đồng xét xử cho đối chất làm rõ số lượng hàng hóa, người nhận vì thực tế ông M chỉ thừa nhận có nhận hàng theo các hóa đơn có người làm thuê của ông M ký nhận tổng số tiền 1.741.250.000 đồng, các hóa đơn không có thể hiện người nào hay ai ký nhận thì không đồng ý trả.

- Bà Nguyễn Thị M1 là người đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị Á trình bày: Không thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Á không đồng ý trả tiền mua thức ăn nuôi cá, không đồng ý trả lãi suất 1,66%/tháng và không đồng ý cản trừ 400.000.000 đồng trả vào tiền lãi suất, vì bà Á hoàn toàn không biết việc mua bán thức ăn nuôi cá giữa ông M và ông T.

- Bà Nguyễn Thị Thanh T1 trình bày: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, không chấp nhận khởi kiện của ông T, chấp nhận sự thỏa thuận cản trừ nợ giữa 03 bên: bà T1, ông T và ông M, cản trừ vốn và lãi mà ông M nợ ông T số tiền 3.300.000.000 đồng. Kể từ ngày cản trừ nợ thì ông M, bà Á đã thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà theo sự cản trừ nợ.

- Ông Hồ Tấn K trình bày: Không có ý kiến, thống nhất trình bày của bà Nguyễn Thị Thanh T1, không bổ sung gì thêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thủ tục kháng cáo của ông Nguyễn Phước T, ông Nguyễn Văn M, bà Dương Thị Á, bà Nguyễn Thị Thanh T1 thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Phước T, ông Nguyễn Văn M, bà Dương Thị Á, bà Nguyễn Thị Thanh T1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 44/2024/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự.

(Kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm số 609/PB-VKS-DS ngày 20/3/2025).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản*” là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Việc nguyên đơn ông Nguyễn Phước T nộp đơn kháng cáo ngày 29/8/2024, bị đơn ông Nguyễn Văn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Á nộp đơn kháng cáo ngày 27/8/2024 và bà Nguyễn Thị Thanh T1 nộp đơn kháng cáo ngày 30/8/2024 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn ông Nguyễn Phước T – Chủ Hộ kinh doanh cơ sở chế biến, mua bán lúa gạo Phước Thành Ngọc H (gọi tắt là nguyên đơn hay ông Nguyễn Phước T hay ông T) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn M và bà Dương Thị Á liên đới trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ. Ông M thừa nhận có nợ tiền mua thức ăn chăn nuôi của ông T, nhưng ông không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông T, vì ông cho rằng giữa ông, ông T và bà T1 đã thỏa thuận là căn trừ số nợ mà ông đang nợ ông T sang qua cho bà T1, vì ông T cũng đang nợ tiền vay bà T1, nên nay ông không còn nợ ông T nữa, mà ông

chỉ còn nợ bà T1. Bà T1 thống nhất với lời trình bày của ông M và yêu cầu ông T trả cho bà số tiền vay còn nợ sau khi tính toán cân trừ qua lại với nhau. Ông T thống nhất là ông có vay và còn nợ tiền bà T1, nhưng ông cho rằng việc ông nợ tiền bà T1 và việc ông M nợ tiền ông là hai chuyện khác nhau, ông không thống nhất có việc thỏa thuận cân trừ nợ qua lại nhau như lời trình bày của ông M và bà T1.

Từ đó, đã làm phát sinh tranh chấp giữa các đương sự về hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 430 và Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Phước T:

[3.1]. Kháng cáo yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T buộc ông Nguyễn Văn M và bà Dương Thị Á có trách nhiệm liên đới trả cho ông T số tiền mua thức ăn cho cá còn thiếu là 7.670.665.000 đồng bao gồm tiền nợ gốc là 3.759.550.000 đồng và tiền lãi là 4.311.115.339 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Các đương sự thừa nhận: Việc ông M nợ tiền mua thức ăn chăn nuôi của ông T và việc ông T nợ tiền vay của bà T1 là có thật.

Ông M và bà T1 cho rằng cả ba bên (ông T, ông M, bà T1) đã thống nhất thỏa thuận cân trừ nợ với nhau, ông M không còn nợ ông T nữa mà cân trừ qua ông M nợ bà T1, ông T không nợ bà T1 nữa, thông qua biên nhận nợ đề ngày 26/3/2021, nội dung tin nhắn và 02 biên nhận ngày 03/02/2019, ngày 15/5/2019 âm lịch. Ông T không thống nhất có việc thỏa thuận cân trừ nợ nêu trên.

Xét thấy lời trình bày của ông M và bà T1 là không có căn cứ, bởi biên nhận nợ đề ngày 26/3/2021 chỉ có chữ ký của ông M, bà Á và sự thống nhất của bà T1, không có chữ ký của ông T. Đối với các tài liệu, chứng cứ theo hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa không thể hiện nội dung ông T thống nhất cân trừ nợ giữa ba bên và không phù hợp với thời gian nợ tiền của từng người với nhau. Do đó, việc thỏa thuận cân trừ nêu trên không có hiệu lực buộc các bên phải thi hành theo, nên ông M nợ tiền của ông T thì ông M phải có nghĩa vụ trả cho ông T và ông T nợ tiền của bà T1 thì ông T phải có nghĩa vụ trả cho bà T1.

Thông báo đề ngày 15/9/2019 nội dung thể hiện số tiền tổng mà ông M nợ ông T là 3.759.550.000 đồng và công nợ trên chưa tính lãi suất theo thỏa thuận 4%/tháng. Thông báo do kế toán của ông Thành lập, có chữ ký xác nhận của khách hàng Nguyễn Văn M. Trong Thông báo còn thể hiện nội dung: “để anh Ú sắp xếp thanh toán khi bán cá và còn lại đến 30/6/2022 có lãi xuất hai bên đã thỏa thuận” và có chữ ký xác nhận của ông M. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm ông M thừa nhận có nợ tiền mua thức ăn chăn nuôi của ông T

3.700.000.000 đồng và thừa nhận chữ ký trong trong Thông báo ngày 15/9/2019 là của ông, nhưng thời điểm ký tên ông không được tỉnh táo do đã sử dụng rượu, bia, vào trời tối, nghĩ tình nghĩa bạn bè và không có tâm trạng bị người mua giật tiền mua cá, kinh doanh không thuận lợi nên ký cho qua chuyện, chứ giữa ông và ông T chưa đối chiếu công nợ lại số tiền cụ thể bao nhiêu. Ông T trình bày số tiền mà ông M còn nợ gốc là 3.770.275.000 đồng nhưng do kế toán tính nhầm nên mới ghi 3.759.550.000 đồng. Nhưng, ông T và ông M đều không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình nêu trên là có căn cứ.

Do đó, xác định ông M có nợ ông T số tiền gốc mua thức ăn chăn nuôi là 3.759.550.000 đồng và phải có nghĩa vụ trả số tiền này cho ông T.

Thông báo đề ngày 15/9/2019 thể hiện các bên thỏa thuận lãi suất 4%/tháng. Ông T trình bày sau khi ông M ký xác nhận trong thông báo ngày 15/9/2019 thì ông M có trả lãi cho ông được số tiền là 400.000.000 đồng, nhưng không xác định được thời gian cụ thể. Ông M trình bày số tiền 400.000.000 đồng này là trả vào tiền gốc chứ không phải trả lãi. Xét thấy, các bên trình bày việc mua bán giữa các bên diễn ra trước đó, sau này mới ký xác nhận ở thông báo ngày 15/9/2019, các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh hai bên thống nhất cách thức tính lãi và thời gian tính lãi như thế nào, theo từng đợt nhận hàng hay sau khi chốt công nợ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi 1,66%/tháng tính từ ngày 15/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 16/8/2024 và khấu trừ số tiền ông M trả lãi 400.000.000 đồng có cơ sở chấp nhận.

Bà Dương Thị Á cho rằng bà hoàn toàn không biết việc mua bán thức ăn nuôi cá giữa ông M và ông T nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đồng ý liên đới trả nợ là không có căn cứ. Bởi, việc mua bán thức ăn giữa ông T và ông M diễn ra thời gian dài, bà và ông M vẫn còn là vợ chồng, chung sống với nhau. Ngoài ra, bà còn ký tên ở biên nhận nợ ngày 26/3/2021 và thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà T1 để cản trừ nợ. Ông M cho rằng mua thức ăn chăn nuôi để kinh doanh sinh lợi nhuận phục vụ kinh tế gia đình. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Á có nghĩa vụ liên đới cùng ông M trả cho ông Nguyễn Phước T – Chủ Hộ kinh doanh cơ sở chế biến, mua bán lúa gạo Phước Thành Ngọc H số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ là 7.106.142.000 đồng (Trong đó gốc là 3.759.550.000 đồng và lãi là 3.346.592.000 đồng) là phù hợp.

[3.2]. Kháng cáo yêu cầu không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà T1 về việc buộc ông T có trách nhiệm trả cho bà T1 số tiền còn nợ là 1.822.396.000 đồng (trong đó gốc là 540.000.000 đồng, tiền lãi là 1.282.396.000 đồng), yêu cầu điều chỉnh lại mức lãi suất 0,83%/tháng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T thống nhất với biên nhận ngày 22/6/2019 mà bà T1 khởi kiện, nhưng ông chỉ ký tên số tiền thiếu bà T1 là 3.790.000.000 đồng, còn số tiền 50.000.000 đồng phía dưới là do bà T1 tự ghi ông không thống nhất. Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện ông T thừa nhận số tiền 3.840.000.000 đồng đã bao gồm lãi, gốc chỉ có 2.800.000.000 đồng. Ông T không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc thay đổi lời trình bày của mình và lời trình bày của ông T không được bà T1 thừa nhận nên xác định ông T nợ bà T1 số tiền gốc là 3.840.000.000 đồng.

Bà T1 không yêu cầu ông T trả cho bà tổng tiền mà ông T vay còn nợ bà trong vụ án này, mà chỉ khởi kiện yêu cầu ông T trả tiền gốc là 540.000.000 đồng và lãi theo từng giai đoạn của từng khoản tiền. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét giải quyết yêu cầu này của bà T1 là phù hợp.

Ông T cho rằng có vay của bà T1 với lãi suất thỏa thuận là 4%/tháng, vay không thế chấp tài sản. Sau khi ký biên nhận ngày 22/6/2019 thì ông có trả lãi cho bà T1 được số tiền là 420.000.000 đồng, không xác định được thời gian trả. Bà T1 cho rằng tháng 6/2019 đến tháng 9/2019 ông T có trả lãi được số tiền 420.000.000 đồng, không nhớ trả ngày nào và còn nợ lại tiền lãi là 41.280.000 đồng. Từ đó cho tới nay ông T không trả gốc và lãi cho bà nữa nên bà T1 yêu cầu ông T trả cho bà số tiền vay còn nợ là 2.030.280.000 đồng, trong đó tiền gốc là 540.000.000 đồng, tiền lãi 1.490.280.000 đồng, lãi suất là 20%/01 năm, trong đó tiền lãi cũ còn nợ là 41.280.000 đồng, tiền lãi từ tháng 9/2019 đến ngày 26/3/2021 của số tiền 3.840.000.000 đồng là 18 tháng là 1.152.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 27/3/2021 đến 15/01/2024 của số tiền 540.000.000 đồng là 33 tháng là 297.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi số tiền gốc 540.000.000 đồng đến khi vụ án giải quyết xong.

Do việc thỏa thuận lãi suất 4%/tháng của các đương sự là vượt quá lãi suất theo quy định pháp luật nên áp dụng mức lãi suất 1,66%/tháng. Số tiền lãi sẽ được tính như sau:

+ Tiền lãi của số tiền gốc 3.840.000.000 đồng $\times$ 1,66% $\times$ 21 tháng 04 ngày (tính từ ngày 22/6/2019 đến ngày 26/3/2021) = 1.347.123.000 đồng, khấu trừ số tiền lãi ông T đã trả 420.000.000 đồng thì ông T còn nợ lãi là 927.123.000 đồng (1.347.123.000 đồng - 420.000.000 đồng).

+ Tiền lãi của số tiền gốc 540.000.000 đồng $\times$ 1,66% $\times$ 39 tháng 19 ngày (tính từ ngày 27/3/2021 đến ngày 16/8/2024) = 355.273.000 đồng.

Như vậy, tổng tiền lãi ông T phải trả cho bà T1 là 1.282.396.000 đồng (927.123.000 đồng + 355.273.000 đồng).

[3.3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Phước T vẫn giữ nguyên yêu

cầu kháng cáo. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy trình bày của ông T là không có đủ căn cứ, đồng thời ông T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét kháng của ông Nguyễn Văn M:

[4.1] Kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng ông M không đồng ý trả tiền mua thức ăn nuôi cá, không đồng ý trả lãi suất 1,66%/tháng và không đồng ý cản trừ 400.000.000 đồng trả vào tiền lãi suất.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Từ những phân tích nêu trên [3] và tại phiên tòa phúc thẩm, ông M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Kháng cáo yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết tay trong bản thông báo vì không phải chữ ký và chữ viết của ông ở hàng cuối.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/12/2023, Biên bản hòa giải ngày 05/01/2024, Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 05/01/2024, Biên bản hòa giải ngày 07/5/2024 ông Nguyễn Văn M thừa nhận chữ viết và chữ ký trong Thông báo công nợ đề ngày 15/9/2019 (gốc trên đầu bên phải) và ngày 18/10/2018 (gốc dưới bên trái) thì chữ viết là của ông T viết, còn chữ ký là của ông ký. Do đó, yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết nêu trên của ông M là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo của bà Dương Thị Á yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, bà không đồng ý trả tiền mua thức ăn nuôi cá, không đồng ý trả lãi suất 1,66%/tháng và không đồng ý cản trừ 400.000.000 đồng trả vào tiền lãi suất, vì bà hoàn toàn không biết việc mua bán thức ăn nuôi cá giữa ông M và ông T và kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh T1 yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận khởi kiện của ông T, chấp nhận sự thỏa thuận cản trừ nợ giữa 03 bên: bà T1, ông T và ông M, cản trừ vốn và lãi mà ông M nợ ông T số tiền 3.300.000.000 đồng. Kể từ ngày cản trừ nợ thì ông M, bà Á đã thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà theo sự cản trừ nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Từ những phân tích nêu trên [3] và tại phiên tòa phúc thẩm, bà Á và bà T1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Phước T tại phiên tòa như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy không đủ cơ sở, nên không được chấp nhận.

[7] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Do kháng cáo của ông Nguyễn Phước T, ông Nguyễn Văn M, bà Dương Thị Á, bà Nguyễn Thị Thanh T1 không được chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông M, bà Á do thuộc diện người cao tuổi nên được xét miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Phước T - Chủ Hộ kinh doanh cơ sở chế biến, mua bán lúa gạo Phước Thành Ngọc H.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn M.

3. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Á và bà Nguyễn Thị Thanh T1.

4. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2024/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

4.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Phước T – Chủ Hộ kinh doanh cơ sở chế biến, mua bán lúa gạo Phước Thành Ngọc H.

Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Dương Thị Á phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Phước T – Chủ Hộ kinh doanh cơ sở chế biến, mua bán lúa gạo Phước Thành Ngọc H số tiền mua thửa ăn chăn nuôi còn nợ là 7.106.142.000 đồng (Bảy tỷ một trăm lẻ sáu triệu một trăm bốn mươi hai nghìn đồng). Trong đó 3.759.550.000 đồng gốc và lãi là 3.346.592.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Thanh T1.

Buộc ông Nguyễn Phước T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T1 số tiền vay còn nợ là 1.822.396.000 đồng (Một tỷ tám trăm hai mươi hai triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng). Trong đó gốc 540.000.000 đồng và lãi là 1.282.396.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn M và bà Dương Thị Á là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Phước T phải chịu án phí sơ thẩm là 94.183.500 đồng. Tiền án phí được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp là 58.130.000 đồng theo biên lai thu số 0001753, ngày 03/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Ông Nguyễn Phước T phải nộp thêm số tiền án phí sơ thẩm là 36.053.500 đồng (Ba mươi sáu triệu không trăm năm mươi ba nghìn năm trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị Thanh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.394.000 đồng. Tiền án phí được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà T1 đã nộp là 36.302.500 đồng theo biên lai thu số 0001956, ngày 16/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Bà T1 được nhận lại số tiền đã nộp là 25.908.500 đồng (Hai mươi lăm triệu chín trăm lẻ tám nghìn năm trăm đồng).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn M và bà Dương Thị Á được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Phước T - Chủ Hộ kinh doanh cơ sở chế biến, mua bán lúa gạo Phước Thành Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011990 ngày 29/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Thị Thanh T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai

thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011992 ngày 30/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Phòng TT,KT&THA TAND Tỉnh;
- TAND thành phố Hồng Ngự;
- Chi cục THADS TP Hồng Ngự;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS ^(Quang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Hứa Quang Thông